

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC HỒNG HẢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC HỒNG HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107255152

**3. Ngày thành lập:** 18/12/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ 3A, khu Hà Trì 2, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 2.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100(Chính) |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4290        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                               | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                          | 4390        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                              | 4659        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                           | 4932        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật). | 8299        |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>chi tiết:<br>Khảo sát xây dựng<br>Tư vấn quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>Quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng                                | 7110        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình                                                                                                                                                                                              | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN KHẮC QUÂN     | Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 114.000    | 1.140.000.000         | 60        | 001084003175                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 114.000    | 1.140.000.000         | 60        |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ HẢO           | Xóm 1, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 38.000     | 380.000.000           | 20        | 111352264                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 38.000     | 380.000.000           | 20        |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ MINH THẨM | Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 38.000     | 380.000.000           | 20        | 013246515                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 38.000     | 380.000.000           | 20        |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN KHẮC QUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: *06/07/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001084003175*

Ngày cấp: *06/08/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Thôn Bảo Tháp, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội